

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 22/7/2026.
“*V/v Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoa.

Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dư, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 115/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10/4/2026, về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2026/QĐXXST-HN, ngày 06/7/2026 và Thông báo số 146/TB-TA, ngày 17/7/2026 về việc Thông báo thời gian, địa điểm xét xử vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Huy T, sinh ngày 15/8/1978. Địa chỉ: Ấp Q, xã L, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị T1, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Đặng Huy T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T1 xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2007 tại UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân anh và chị T1 có quen nhau khoảng 01 năm, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nữ trang ngày cưới chị T1 khi đi mang theo số nữ trang

này, hiện còn hay bán thì anh không rõ và anh không có tranh chấp số nữ trang này.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới chị T1 về làm dâu sống bên chồng khoảng 09 tháng thì bỏ về nhà cha mẹ ruột sống, lý do chị T1 kêu anh về bên chị sống, nhưng anh không đồng ý ở rể. Sau đó anh cùng cha ruột có đến đón chị T1 và con anh về nhà bên anh sống, chị T1 đồng ý trở về nhà chồng sống được 01 tuần, lúc anh đi làm không có ở nhà, chị T1 cùng con bỏ đi khỏi nhà, đi từ năm 2008 cho đến nay, không biết đi đâu, làm gì, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau, không liên lạc, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2008 đến nay nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị T1.

- *Về nuôi con tên:* Đặng Huy T2, sinh ngày 18/01/2007. Hiện con đã thành niên, anh T không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra anh T không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, bị đơn chị Huỳnh Thị T1 vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đặng Huy T, xử cho anh T được ly hôn với chị Huỳnh Thị T1, về quyền nuôi con tên Đặng Huy T2, sinh ngày 18/01/2007, hiện con đã thành niên anh T, chị T1 không đặt ra yêu cầu giải quyết. Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, số nợ phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết. Buộc anh Đặng Huy T nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Huỳnh Thị T1 là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa xét xử lần thứ nhất, chị T1 vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh Đặng Huy T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Huỳnh Thị T1, ngoài ra anh không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh T và chị T1 xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 12/7/2007 tại UBND xã L, tỉnh Đồng Tháp, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh Đặng Huy T khai: Sau ngày cưới chị T1 về làm dâu sống bên chồng khoảng 09 tháng thì bỏ đi về nhà cha mẹ ruột sống, lý do chị T1 yêu cầu anh về quê chị sống, nhưng anh không đồng ý ở rể. Sau đó anh cùng cha ruột đến đón vợ anh và con anh về nhà sống, chị T1 đồng ý trở về nhà, sống được 01 tuần, lúc anh đi làm không có ở nhà, chị T1 cùng con đi khỏi nhà, đi từ năm 2008 đến nay, không biết đi đâu, làm gì, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau, không liên lạc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay nên tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T1.

- *Đối với chị Huỳnh Thị T1*: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T1 nhận để chị tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị T1 đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2026 chị Huỳnh Thị T1 trình bày về hôn nhân chị đồng ý ly hôn với anh T, ngoài ra không có tranh chấp và yêu cầu gì khác.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Quy định về tình nghĩa vợ chồng “*1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình ...*”. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị T1 xảy ra từ năm 2008 kéo dài đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, trong thời gian này anh chị không tự hòa giải để hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, vẫn sống ly thân, mâu thuẫn tiếp tục phát sinh, tại phiên tòa anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn, không chung sống với chị T1. Tại biên bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 03/7/2026 chị Huỳnh Thị T1 trình bày là đồng ý ly hôn với anh T, từ đó cho thấy anh T và chị T1 thật sự mong muốn được ly hôn với nhau nên việc hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc là không có kết quả. Mặt khác anh T và chị T1 sống ly thân từ năm 2008 tính đến nay đã 18 năm, là khoảng thời gian rất dài nhưng anh T và chị T3 vẫn không hàn gắn đoàn tụ với nhau được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày

16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị T1 là đúng quy định của pháp luật.

- *Về quyền nuôi con*: Xét thấy anh T và chị T1 chung sống sinh 01 người con tên Đặng Huy T2, sinh ngày 18/01/2007. Hiện con đã thành niên, anh T, chị T1 không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về cấp dưỡng, tài sản chung của vợ chồng, số nợ phải thu, số nợ phải trả*: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân: Buộc anh Đặng Huy T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Đặng Huy T.

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Đặng Huy T được ly hôn với chị Huỳnh Thị T1.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc anh Đặng Huy T nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0007141, ngày 16/4/2026 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu. Anh Đặng Huy T đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*:

- Anh Đặng Huy T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị Huỳnh Thị T1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh VL;
- VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long;
- UBND xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm